TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐIỆN BIÊN** **TỈNH ĐIỆN BIÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 12/2020/HNGĐ- ST.
Ngày: 08/6/2020.
V/v Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN – TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lường Văn Lương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Ngọc Hoàn;

2. Bà Nguyễn Thị Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ B, tỉnh Điện Biên .

Ngày 08/6/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ B, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 30/2020/TLST – HNGĐ ngày 09/01/2020 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2020/QĐXX - ST ngày 29/4/2020; Theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2020/QĐ - HPT ngày 08/5/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lò Thị L – Sinh năm 1984 "có mặt".

Địa chỉ: Đội 5, xã N H, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên.

2. Bị đơn: Anh Tô Văn D – Sinh năm 1971 " vắng mặt".

Nơi ĐKHKTT: Đội 5, xã N H, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên;

(Hiện nay đang chấp hành án tại: Đội 27, phân trại số 1, trại giam Yên Hạ, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 26/12/2019 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án nhân dân huyện Đ B, chị Lò Thị L (nguyên đơn) trình bày:

1. Về hôn nhân: Tôi và anh Dương lấy nhau từ ngày 20/10/2006, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N H, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên. Trên cơ sở tự nguyện. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Dương nghiện ma túy và mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy đã bị Tòa án nhân dân huyện Đ B xét xử từ năm 2019.

Hiện nay anh Dương đang chấp hành án tại trại giam Yên Hạ, Sơn La. Tôi thấy tình cảm vợ chồng không còn. Vì vậy tôi làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Dương.

2. Về con chung: Chị Lả khai vợ chồng có 03 con chung là: Tô Thị Phương Duyên, sinh ngày 04/4/2005, Tô Thị Thanh Vân, sinh ngày 02/8/2008 và Tô Nữ Phương Ly, sinh ngày 28/12/2012.

Chị Lả có nguyện vọng xin được nuôi con, không yêu cầu anh Dương phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại bản tự khai của các cháu Duyên, Vân, Ly là nguyện vọng muốn được ở với mẹ và tại bản tự khai của anh Dương cũng đồng ý cho chị Lả trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung.

3.Về tài sản: Tài sản riêng, tài sản chung, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 12/02/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án anh Tô Văn D (bị đơn) trình bày:

1. Về hôn nhân: Tôi và cô Lả lấy nhau hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N H, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên. Quá trình chung sống hai vợ chồng không có mâu thuẫn gì. Do tôi nghiện ma úy và vi phạm pháp luật nên bị bắt. Hiện nay, tôi đang chấp hành án tại trại đội 27, phân trại 1, trại giam Yên Hạ, tỉnh Sơn La. Do tôi phải chấp hành án, nên tình cảm vợ chồng bị rạn nứt và cô Lả xin ly hôn, tôi đồng ý ly hôn, nhưng xin hoãn phiên tòa đến khi chấp hành xong bản án sẽ về giải quyết.

2. Về con chung: Anh Dương công nhận vợ chồng có 03 con chung: Tôi đồng ý để cô Lả nuôi các cháu theo nguyện vọng của cô Lả.

3. Về tài sản: Tài sản riêng, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương, tài sản chung: Anh Dương không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật:

Căn cứ đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo của nguyên đơn chị Lò Thị L, Tòa án xác định đây là vụ án: Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

[2].Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Lả xin ly hôn với anh Dương, anh Dương có hộ khẩu thường trú tại xã N H, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ B theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39/BLTTDS năm 2015.

[3]. Về điều luật áp dụng: Chị Lả và anh Dương kết hôn năm 2006, đến năm 2019 thì chị Lả khởi kiện xin ly hôn, nên Tòa án sẽ áp dụng các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

[4]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị L và anh Tô Văn D lấy nhau có đăng ký kết hôn. Do vậy, hôn giữa hai người là hợp pháp. Quá trình chung sống do anh Dương vi phạm pháp luật và phải chấp hành án, nên tình cảm vợ chồng bị rạn nứt. Hai bên đều xác định tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ.

Chị Lả thấy mục đích của hôn nhân không đạt được, xác định tình cảm của mình với anh Dương không còn. Chị Lả xin ly hôn, anh Dương cũng đồng ý. Việc thuận tình ly hôn giữa nguyên đơn và bị đơn là hoàn toàn tự nguyện, có căn cứ phù hợp Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với ý kiến của anh Dương xin Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa đến đến ngày 30/4/2021. Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại Khoản 1 Điều 233 của Bộ luật tố tụng dân sự thì thời hạn hoãn phiên tòa là không quá 01 tháng cho nên ý kiến của anh Dương là trái với quy định của pháp luật, do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của anh Dương.

[5]. Về con chung: Hai vợ chồng có 03 con chung là cháu: Tô Thị Phương Duyên, sinh ngày 04/4/2005, Tô Thị Thanh Vân, sinh ngày 02/8/2008 và Tô Nữ Phương Ly, sinh ngày 28/12/2012.

Chị Lả có nguyện vọng xin được nuôi con, không yêu cầu anh Dương phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại bản tự khai của cháu Duyên, Vân, Ly đều có nguyện vọng muốn được ở với mẹ và tại bản tự khai của anh Dương cũng đồng ý cho chị Lả trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng các con chung.

Tại phiên tòa chị Lả có nguyện vọng muốn được nuôi con chung. HĐXX xét thấy nguyện vọng của các cháu và chị Lả là đúng quy định của pháp luật, cho nên HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị Lả và giao con chung cho chị Lả trực tiếp chăm sóc, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lả không yêu cầu anh Dương cấp dưỡng nuôi con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6].Về tài sản:

[6.1]. Tài sản riêng, nợ phải trả, nợ lấy về: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6.2]. Tài sản chung, diện tích ruộng, nương: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7]. Về án phí: Căn cứ Điều 147/BLTTDS; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chị Lả phải chịu 300.000đ án phí Dân sự sơ thẩm. Chị Lả đã nộp 300.000đ theo biên lai số: AA/2016/0003317 ngày 09/01/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ B.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 228/BLTTDS; khoản 1 Điều 235, Điều 264 và Điều 267/BLTTDS (Năm 2015);

Áp dụng: Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình.

1- Tuyên xử: Cho chị Lò Thị L được ly hôn với anh Tô Văn D.

2 - Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị Lả, giao 03 con chung là cháu: Tô Thị Phương Duyên, sinh ngày 04/4/2005, Tô Thị Thanh Vân, sinh ngày 02/8/2008 và Tô Nữ Phương Ly, sinh ngày 28/12/2012 cho chị Lả trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Anh Dương không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trục tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

3- Về Tài sản: Chấp nhận việc không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản của nguyên đơn và bị đơn.

4- Về án phí: Căn cứ Khoản 4 Điều 147/BLTTDS; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chị Lả phải chịu 300.0000đ án phí Dân sự sơ thẩm. Chị Lả đã nộp 300.000đ theo biên lai số: AA/2016/0003317 ngày 09/01/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ B.

5- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án chính.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh
- VKSND H.Đ.B;
- Chi cục THSDS H.ĐB;
- Các đương sự;
- UBND xã N H, H ĐB;
- Lưu,

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lường Văn Lương